

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 19 (HKII) KHỐI 8

NHỚ RỪNG

(Phần A ở phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kỹ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi nhé!)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

- Đọc kỹ sách giáo khoa “Ngữ văn 8 học kì 2” (Sgk/3, 4, 5), thực hiện nhiệm vụ 1, 2, 3, 4, 5, 6

* **Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu tác giả Thế Lữ

* **Nhiệm vụ 2:** Tìm hiểu tác phẩm “Nhớ rừng”: Hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục

* **Nhiệm vụ 3:** Tìm hiểu con hổ trong vườn bách thú

* **Nhiệm vụ 4:** Con hổ trong rừng sâu

* **Nhiệm vụ 5:** Tâm trạng con hổ

* **Nhiệm vụ 6:** Luyện tập

- Hoàn thành các bài tập giáo viên yêu cầu

(Phần B phía dưới các em hãy ghi chép cẩn thận vào vở)

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Tiết 73, 74: Văn bản

NHỚ RỪNG

(Thế Lữ)

I. Đọc - hiểu chú thích:

1. Tác giả:

- Thế Lữ (1907- 1989) tên Nguyễn Thứ Lễ

- Là một trong những nhà thơ mới lớp đầu tiêu biểu nhất, góp phần đổi mới thơ ca.

Ông sáng tác nhiều thể loại: truyện, kịch...

- Phong cách sáng tác: Thơ ông dồi dào, đầy lãng mạn, qua đó thể hiện những ẩn ý sâu sắc vô cùng.

2. Tác phẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác:

- Bài thơ được sáng tác vào năm 1934, sau được in trong tập Mấy vần thơ- 1935
- Là bài thơ tiêu biểu nhất của Thế Lữ, góp phần mở đường cho sự thắng

b. Thể thơ: 8 chữ.

c. Phương thức: Biểu cảm gián tiếp.

d. Bố cục: 3 phần.

- Phần 1: Đoạn 1 + 4: Con hổ bị nhốt trong vườn bách thú
- Phần 2: Đoạn 2 + 3: Cảnh con hổ trong chốn giang sơn hùng vĩ
- Phần 3: Đoạn 5: Khao khát giấc mộng ngàn.

II. Đọc - hiểu văn bản

1. Con hổ bị nhốt trong vườn bách thú

“Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt ...

Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.”

- “Gậm một khối căm hờn”: Tâm trạng căm hờn, phẫn uất tạo thành một khối âm thầm nhưng dữ dội.
- Trong cũi sắt, nằm dài: Nỗi khổ vì bị tù hãm, ngao ngán, bất lực.
- Khinh lũ người kia ..., thứ đồ chơi”: Nỗi nhục bị biến thành trò chơi cho thiên hạ tầm thường.
- “Chịu ngang bầy ... vô tư lự”: Nỗi bất bình vì bị ở chung cùng bọn thấp kém.

→ Hòn căm kết thành khối, đè nặng, nhức nhối không có cách nào giải thoát, đành buông xuôi bất lực.

⇒ Tâm trạng của con hổ cũng giống tâm trạng của người dân mất nước, Căm hờn và phẫn uất trong cảnh đời tối tăm.

“Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu ...

Của chốn ngàn năm cao cả âm u”

- “Ôm niền uất hận ngàn sâu”
- Cảnh tượng vườn bách thú đều giả tạo, nhỏ bé, vô hồn.
- Khung cảnh tù túng, giả dối

→ Gây cho nỗi niềm uất hận kéo dài vì sống chung với sự tầm thường, giả dối; chán ghét sâu sắc thực tại tù túng tầm thường, giả dối; khao khát được sống tự do, chân thực.

⇒ Cảnh vườn bách thú là thực tại của xã hội đương thời, thái độ của con hổ chính là thái độ của người dân đối với xã hội đó

2. Cảnh con hổ trong chốn giang sơn hùng vĩ

“Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ ...

Giữa chốn thảo hoa không tên không tuổi”

- Điệp từ “với”, các động từ chỉ đặc điểm của hành động (gào, hét...)
- Bóng cả cây già: núi rừng âm u, hùng vĩ
- “tiếng gió gào ngàn”, “giọng nguồn hét núi”: Sự hoang dã của chốn thảo hoa

→ Từ ngữ được chọn lọc tinh tế nhằm diễn tả cảnh đại ngàn hùng vĩ, lớn lao mạnh mẽ, bí ẩn thiêng liêng

- Đại từ “ta” thể hiện khí phách ngang tàng, làm chủ.
- “bước chân dõng dạc đường hoàng”: vẻ oai phong đầy sức sống

→ Vẻ oai phong của con hổ khiến tất cả đều phải im hơi, diễn tả vẻ uy nghi, dũng mãnh vừa mềm mại vừa uyển chuyển của vị chúa sơn lâm

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối ...

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu

- “đâu” → Điệp ngữ: Gọi tả nỗi nhớ da diết, nỗi đau đớn nuôi tiếc khôn nguôi cuộc sống thời oanh liệt bằng tiếng than u uất.

- “Nào đâu ... ánh trăng tan”: Cảnh đẹp diễm lệ khi con hổ đứng uống ánh trăng thật lãng mạn

- “Đâu những ngày ...ta đôi mới”: Cảnh mưa rung chuyển đại ngàn, hồ lặng mận ngấm giang sơn đôi mới.
 - “Đâu những bình minh...tưng bừng”: Cảnh chan hòa ánh sáng, rộn rã tiếng chim ca hát cho giấc ngủ của chúa sơn lâm.
 - “Đâu những chiều ... mặt trời gay gắt”: hồ là chúa tể muôn loài
- Một bộ tranh tứ bình đẹp lộng lẫy, cho thấy những cảnh thiên nhiên hoang vắng đẹp rợn ngợp và con hổ với tư thế và tầm vóc uy nghi, hoành tráng**

3. Khao khát giấc mộng ngàn

“Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ ...

- Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!”

- Là một không gian trong mộng.
- Bộc lộ trực tiếp nỗi tiếc nhớ cuộc sống tự do.
- Giấc mộng mãnh liệt, to lớn nhưng đau xót, bất lực → Nỗi bất hòa sâu sắc với thực tại và niềm khao khát tự do mãnh liệt.

→ Đó là khát vọng giải phóng, khát vọng được tự do.

⇒ Tâm sự của con hổ chính là tâm sự của người dân Việt Nam mất nước đang sống trong cảnh nô lệ và tiếc nhớ những năm tháng tự do oanh liệt với những chiến thắng vẻ vang trong lịch sử.

III. Ghi nhớ: Sgk/7

1. Nghệ thuật

- Hình ảnh mang tính chất biểu tượng, giàu chất tạo hình
- Ngôn ngữ và nhạc điệu phong phú, giàu tính biểu cảm.

2. Nội dung

- Bài thơ mượn lời con hổ nhớ rừng để thể hiện sự u uất của lớp những người thanh niên trí thức yêu nước, đồng thời thức tỉnh ý thức cá nhân. Hình tượng con hổ cảm thấy bất hòa sâu sắc với cảnh ngọt ngào tù túng, khao khát tự do cũng đồng thời là tâm trạng chung của người dân Việt Nam mất nước bấy giờ.

(Phần C dưới này các em ghi và làm bài thật đầy đủ nhé!)

C. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Yêu cầu: Học sinh học thuộc lòng và đọc diễn cảm bài thơ

(Học sinh thực hiện)

D. DẶN DÒ:

1. Bài cũ:

- Nắm vững phần ghi nhớ, thuộc lòng bài thơ
- Hãy đóng vai con hổ ghi lại tâm trạng lúc bị nhốt trong vườn bách thú.

2. Bài mới: Chuẩn bị bài: Ông đồ

ÔNG ĐỒ

(Phần A ở phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kĩ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi nhé!)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

- Đọc kĩ sách giáo khoa “Ngữ văn 8 học kì 2” (Sgk/ 8, 9, 10), thực hiện nhiệm vụ 1, 2, 3, 4, 5, 6

*** Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu tác giả Vũ Đình Liên

*** Nhiệm vụ 2:** Tìm hiểu tác phẩm “Ông đồ”: Hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục

*** Nhiệm vụ 3:** Tìm hiểu Ông đồ thời huy hoàng

*** Nhiệm vụ 4:** Tìm hiểu ông đồ thời suy tàn

*** Nhiệm vụ 5:** Tâm trạng tác giả

*** Nhiệm vụ 6:** Luyện tập

- Hoàn thành các bài tập giáo viên yêu cầu

(Phần B phía dưới các em hãy ghi chép cẩn thận vào vở)

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Tiết 75: Văn bản

ÔNG ĐỒ

(Vũ Đình Liên)

I. Đọc - hiểu Chú thích

1. Tác giả:

- Vũ Đình Liên (1913-1996) là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới.
- Thơ ông mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ.

2. Tác phẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác: Những năm 30 của thế kỉ 20, trong bối cảnh nền Nho học suy tàn.

b. Thể thơ: Ngũ ngôn

c. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

d. Bố cục: Ba phần

- Hình ảnh ông đồ thời huy hoàng (hai khổ đầu).
- Hình ảnh ông đồ thời suy tàn (hai khổ 3,4).
- Tâm trạng của nhà thơ (Khổ cuối).

II. Đọc - hiểu văn bản

1. Hình ảnh ông đồ thời huy hoàng (2 khổ đầu)

Mỗi năm hoa đào nở...

Bên phố đông người qua”

- Thời gian: mùa xuân “hoa đào nở”
- Hành động: bày mực tàu, giấy đỏ
- Địa điểm: bên phố đông người

- “lại”: Ông đồ xuất hiện đều đặn

→ *Vui tươi, tràn ngập sắc xuân*

“Bao nhiêu người thuê viết ...

Như phượng múa rồng bay”

- “thảo” → **Động từ: Viết nhanh**

- “Như phượng múa, rồng bay” → **So sánh, sử dụng thành ngữ: Tài hoa của ông đồ**

- “Bao nhiêu người thuê viết

Tám tác ngợi khen tài”

→ **Trung tâm của sự ngượng mợ**

2. Hình ảnh ông đồ thời suy tàn (khổ 3,4)

“Nhưng mỗi năm mỗi vắng ...

Mực đọng trong nghiên sâu...”

- “Nhưng mỗi năm mỗi vắng

Người thuê viết nay đâu?”

→ **Điệp từ, câu hỏi tu từ (tự vấn): Cảnh tượng vắng vẻ đến thê lương.**

- “Giấy đỏ buồn không thấm

Mực đọng trong nghiên sâu”

→ **Nhân hoá: Nỗi buồn, tâm tình của ông đồ buồn đọng không thể tan biến**

“Ông đồ vẫn ngồi đây ...

Ngoài trời mưa bụi bay”

- “vẫn”: cố níu kéo, gìn giữ

- “Lá vàng rơi trên giấy

Ngoài trời mưa bụi bay”

→ **Tả cảnh ngụ tình: Sự cô đơn, tàn tạ, buồn bã; sự ảm đạm, lạnh lẽo.**

=> **Tâm trạng con người u buồn, cô đơn, buồn tủi; ông đồ cô đơn, chờ đợi, lạc lõng giữa dòng đời.**

3. Tâm trạng của nhà thơ

“Năm nay đào lại nở ...

Hồn ở đâu bây giờ?”

- Thời gian: Đào lại nở

→ **Mùa xuân vẫn về theo quy luật tự nhiên.**

- Hình ảnh: Không thấy ông đồ xưa

→ **Phố xá đã hoàn toàn vắng bóng, không còn sự tồn tại của ông đồ.**

- “Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?”

→ **Câu hỏi tu từ, kết cuối đầu cuối tương ứng: Niềm thương tiếc, day dứt của tác giả trước sự suy tàn của nền nho học đương thời.**

⇒ Nhà thơ thể hiện nỗi lòng băng khuâng, tiếc nuối một nét đẹp truyền thống văn hoá dân tộc bị tàn phai ⇒ nỗi niềm hoài cổ của nhà thơ.

III. Ghi nhớ: Sgk/10

1. Giá trị nghệ thuật:

- Bài thơ được viết theo thể thơ ngũ ngôn gồm nhiều khổ
- Kết cấu đối lập đầu cuối tương ứng, chặt chẽ.
- Ngôn từ trong sáng bình dị, truyền cảm.

2. Giá trị nội dung: Tác phẩm khắc họa thành công hình cảnh đáng thương của ông đồ thời vắng bóng, đồng thời gửi gắm niềm thương cảm chân thành của nhà thơ trước một lớp người dần đi vào quá khứ, khơi gợi được niềm xúc động tự vấn của nhiều độc giả.

(Phần C dưới đây các em ghi và làm bài thật đầy đủ nhé!)

C. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Yêu cầu: Học sinh học thuộc lòng và đọc diễn cảm bài thơ

D. DẶN DÒ:

1. Bài cũ:

- Học thuộc và đọc diễn cảm bài thơ
- Nắm vững kiến thức bài học
- Tìm đọc các bài thơ của Vũ Đình Liên

2. Bài mới: Chuẩn bị bài “Câu nghi vấn”

CÂU NGHI VẤN

(Phần A ở phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kĩ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi nhé!)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

- Đọc kĩ sách giáo khoa (Sgk/11, 12, 13) “Ngữ văn 8 học kì 2”, thực hiện nhiệm vụ 1, 2

* **Nhiệm vụ 1:** Thực hành tìm hiểu đặc điểm công dụng câu nghi vấn

* **Nhiệm vụ 2:** Thực hành làm bài tập sgk/12, 13

(Phần B phía dưới các em hãy ghi chép cẩn thận vào vở!)

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Tiết 76: Tiếng Việt

CÂU NGHI VẤN

I. Tìm hiểu bài

* **Đặc điểm hình thức và chức năng chính**

a. Ví dụ: Sgk/11

- Các câu nghi vấn:
 - + Sáng ngày người ta đâm u có đau lắm không?
 - + Thế làm sao u... mà không ăn khoai?
 - + Hay là u thương chúng con đói quá?

- Dấu hiệu hình thức:
 - + Dấu chấm hỏi nằm ở cuối câu
 - + Có các từ nghi vấn: **không, sao, hay (là)**
- Chức năng: Dùng để hỏi.

II. Ghi nhớ : Sgk/11

(Phần C dưới đây các em ghi và làm bài thật đầy đủ nhé!)

C. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Yêu cầu: Học sinh làm bài tập 1, 2, 3, 4, 5, 6 Sgk/ 11, 12, 13

Gợi ý:

Bài 1 (trang 11,12 SGK Ngữ văn 8 tập 2):

- Câu nghi vấn:

- a) "Chị khát tiền sưu đến chiều mai phải không?"
- b) "Tại sao con người lại phải khiếm tốn như thế?"
- c) " Văn là gì?", "Chương là gì?"
- d)
 - + "Chú mình muốn cùng tớ vui đùa không?"
 - + "Đùa trò gì?"
 - + "Cái gì thế?"
 - + " Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả?"

- Đặc điểm của các câu nghi vấn:

- + Hình thức: Có dấu hỏi chấm khi viết, có các từ nghi vấn: gì, không, hả, gì thế
- + Nội dung: Mục đích dùng để hỏi

Bài 2 (trang 12 SGK Ngữ văn 8 tập 2):

- Các câu nghi vấn này có dấu hỏi chấm kết thúc câu. Sử dụng từ hay để nói tạo ra mối quan hệ lựa chọn câu nghi vấn.
- Không thể thay từ "hay" bằng từ "hoặc", câu sẽ sai lo-gic, sai ngữ pháp và có nghĩa khác hẳn với mục đích câu hỏi đề ra.

Bài 3 (trang 13 SGK Ngữ văn 8 tập 2):

- Không thể sử dụng dấu câu để đặt vào cuối các câu (a), (b), (c), (d) bởi các câu trên không nhằm để hỏi.
 - Các câu (a) và (b) có các từ *không* và *tại sao* không đóng vai trò là từ nghi vấn trong câu, mà được sử dụng như một bộ ngữ trong câu.
 - Các từ "nào" câu (c) đóng vai trò là từ liệt kê, từ "ai" ở đây là đại từ trong câu khẳng định.
- Các câu trên không phải câu nghi vấn bởi mục đích các câu trên dùng để khẳng định.

Bài 4 (trang 13 SGK Ngữ văn 8 tập 2):

- Khác nhau hình thức
 - + Câu a sử dụng cặp từ "có ... không"
 - + Câu b sử dụng cặp từ "đã ... chưa"
- Ý nghĩa khác nhau:
 - + Câu a hỏi về tình trạng sức khỏe thực tại nên có thể trả lời " Anh khỏe"
 - + Câu b hỏi về tình trạng sức khỏe khi đã biết hiện trạng sức khỏe trước đó nên có thể trả lời " Anh đã khỏe rồi/ Anh chưa khỏe lắm."
- Một số câu đã có mô hình "có...không" và "đã...chưa":
 - + Cậu có cuốn Búp sen xanh không?
Cậu đã có cuốn Búp sen xanh chưa?
 - + Anh có đi Sài Gòn không?
Anh đã đi Sài Gòn chưa?

Bài 5 (trang 13 SGK Ngữ văn 8 tập 2):

- Khác nhau về hình thức:
 - + Câu a có từ bao giờ đặt đầu câu.
 - + Câu b có từ bao giờ đặt cuối câu.
- Khác nhau ý nghĩa:

- + Hành động câu a diễn ra trong tương lai
- + Hỏi về hành động đã diễn ra trong quá khứ

Bài 6 (trang 13 SGK Ngữ văn 8 tập 2):

- Câu nghi vấn đúng là câu a, dù không biết rõ trọng lượng của vật nhưng ta vẫn cảm nhận được vật đó nặng, nhẹ bao nhiêu.
- Câu nghi vấn b không hợp logic vì khi chưa biết giá của mặt hàng thì không thể nói vật đó đắt hay rẻ.

D. DẶN DÒ:

1. Bài cũ:

- Học bài, làm hoàn thành các bài tập
- Tìm một số câu nghi vấn trong các VB trong sgk và chức năng của chúng?

2. Bài mới: Chuẩn bị bài: Câu nghi vấn (tt)

***** Chúc các em học tốt *****